UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN KHUÊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2022-2023

(Biểu mẫu 06 - Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

*** KHỐI 1, 2, 3 (Đánh giá theo Thông tư 27/2020)**

Nội dung đánh giá	Khối 1	Khối 2	Khối 3
I. Môn học, hoạt động GD			
1. Tiếng Việt	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	150	122	75
Hoàn thành	85	59	74
Chưa hoàn thành	2	1	0
2. Toán	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	157	147	107
Hoàn thành	78	34	42
Chưa hoàn thành	2	1	0
3. Đạo đức	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	164	133	102
Hoàn thành	71	49	47
Chưa hoàn thành	2	0	0
4. Tự nhiên và xã hội	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	149	125	89
Hoàn thành	86	57	60
Chưa hoàn thành	2	0	0
5. Giáo dục thể chất	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	109	96	73
Hoàn thành	126	86	76
Chưa hoàn thành	2	0	0
6. Âm nhạc	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	117	89	70
Hoàn thành	118	93	79
Chưa hoàn thành	2	0	0

7. Mĩ thuật	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	147	119	104
Hoàn thành	88	63	45
Chưa hoàn thành	2	0	0
8. Hoạt động trải nghiệm	**238**	**182**	**149**
Hoàn thành tốt	147	144	99
Hoàn thành	88	38	50
Chưa hoàn thành	2	0	0
9. Công nghệ			**149**
Hoàn thành tốt			104
Hoàn thành			45
Chưa hoàn thành			0
10. Tin học			**149**
Hoàn thành tốt			71
Hoàn thành			78
Chưa hoàn thành			0
11. Tiếng Anh			**149**
Hoàn thành tốt			108
Hoàn thành			41
Chưa hoàn thành			0

II. Phẩm chất chủ yếu

1. Yêu nước	**238**	**182**	**149**
Tốt	224	181	146
Đạt	12	1	3
Cần cố gắng	1	0	0
2. Nhân ái	**238**	**182**	**149**
Tốt	232	171	144
Đạt	4	11	5
Cần cố gắng	1	0	0
3. Chăm chỉ	**238**	**182**	**149**
Tốt	121	113	103
Đạt	114	69	46
Cần cố gắng	2	0	0
4. Trung thực	**238**	**182**	**149**

Tốt	212	158	142
Đạt	23	24	7
Cần cố gắng	2	0	0
5. Trách nhiệm	**238**	**182**	**149**
Tốt	143	129	127
Đạt	92	53	22
Cần cố gắng	2	0	0

III. Năng lực cốt lõi

1. Năng lực chung			
Tự chủ và tự học	**238**	**182**	**149**
Tốt	153	130	106
Đạt	82	52	43
Cần cố gắng	2	0	0
Giao tiếp và hợp tác	**238**	**182**	**149**
Tốt	187	145	106
Đạt	48	37	43
Cần cố gắng	2	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	**238**	**182**	**149**
Tốt	104	92	57
Đạt	131	90	92
Cần cố gắng	2	0	0
2. Năng lực đặc thù			
Ngôn ngữ	**238**	**182**	**149**
Tốt	147	123	81
Đạt	88	58	68
Cần cố gắng	2	1	0
Tính toán	**238**	**182**	**149**
Tốt	157	148	108
Đạt	78	33	41
Cần cố gắng	2	1	0
Khoa học	**238**	**182**	**149**
Tốt	138	124	90
Đạt	97	58	59
Cần cố gắng	2	0	0

Thẩm mĩ	**238**	**182**	**149**
Tốt	134	102	97
Đạt	101	80	52
Cần cố gắng	2	0	0
Thể chất	**238**	**182**	**149**
Tốt	109	105	69
Đạt	126	77	80
Cần cố gắng	2	0	0
HS khuyết tật không đánh giá	**1**	**0**	**0**

*** KHỐI 4, 5 (Đánh giá theo Thông tư 22 và Thông tư 30)**

Nội dung đánh giá	**KHỐI 4**	**KHỐI 5**
I. Môn học		
1. Tiếng Việt	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	80	89
Hoàn thành	67	86
Chưa hoàn thành	0	0
2. Toán	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	99	102
Hoàn thành	48	73
Chưa hoàn thành	0	0
3. Đạo đức	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	94	114
Hoàn thành	53	61
Chưa hoàn thành	0	0
4. Kỹ thuật	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	78	112
Hoàn thành	69	63
Chưa hoàn thành	0	0
5. Khoa học	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	123	164
Hoàn thành	24	11
Chưa hoàn thành	0	0
6. Lịch sử và Địa lí	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	103	106

Hoàn thành	44	69
Chưa hoàn thành	0	0
7. Tiếng Anh	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	82	124
Hoàn thành	65	51
Chưa hoàn thành	0	0
8. Tin học	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	70	75
Hoàn thành	77	100
Chưa hoàn thành	0	0
9. Âm nhạc	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	78	80
Hoàn thành	69	95
Chưa hoàn thành	0	0
10. Mĩ thuật	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	98	107
Hoàn thành	49	68
Chưa hoàn thành	0	0
11. Thể dục	**150**	**175**
Hoàn thành tốt	75	91
Hoàn thành	72	84
Chưa hoàn thành	0	0

II. Năng lực

1. Tự phục vụ, tự quản	**150**	**175**
Tốt	112	114
Đạt	35	61
Cần cố gắng	0	0
2. Hợp tác	**150**	**175**
Tốt	119	131
Đạt	28	44
Cần cố gắng	0	0
3. Tự học và giải quyết vấn đề	**150**	**175**
Tốt	57	61
Đạt	90	114

Cần cố gắng	0	0

III. Phẩm chất

1. Chăm học chăm làm	**150**	**175**
Tốt	75	68
Đạt	72	107
Cần cố gắng	0	0
2. Tự tin và trách nhiệm	**150**	**175**
Tốt	115	120
Đạt	32	55
Cần cố gắng	0	0
3. Trung thực, kỉ luật	**150**	**175**
Tốt	117	144
Đạt	30	31
Cần cố gắng	0	0
4. Đoàn kết, yêu thương	**150**	**175**
Tốt	143	169
Đạt	4	6
Cần cố gắng	0	0
HS không đánh giá	**3**	**0**

Long Biên, ngày 30 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN TP HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN KHUÊ

Trần Thị Phương Dung